

COULEURS UTILISEES	CYAN	ET27-0260/08	DENOMINATION PRODUIT	ETUI VEINO X 40
	MAGENTA		N° CUT OU DIMENSIONS A x B x H	60 x 45 x 75 mm
	JAUUNE		DATE DU BAT	14/01/2014
	NOIR		PRODUIT MAI	Véronique Marmie
			RESPONSABLE PRODUIT	Anne Crosset
			SIGNATURE RESP PROD.	



COULEURALLÉGATION  
A RESPECTER:  
100% MAG +  
80% JAUNE

**BỘ Y TẾ  
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC  
ĐÃ PHÊ DUYỆT**

Lần đầu: 27 / 03 / 18

**Veinofytol**  
gélules  
x 40

Extrait sec de marron d'Inde

**40 Hartkapseln**

TILMAN S.A.  
Z.I. Sud 15 - B-5377 Bailonville

Exp date: ...  
Mfg date: ...  
Batch No: ...

**GESCHWOLLENE BEINEN**  
KRAMPFADERN  
Trockenextrakt  
Rosskastanienextrakt

**Veinofytol**  
gélules  
x 40

harde capsules  
Hartkapseln

gezwollen benen · spataders  
jambes gonflées · varices

**Veinofytol**  
Hartkapseln

gezwollen benen · spataders  
jambes gonflées · varices

**VEINOFYTOL**  
Viên nang cứng / Hộp 4 vỉ x 10 viên  
**Thành phần chính:**  
Cao khô chiết ethanol 50% từ hạt dẻ Ấn Độ (Aesculus hippocastanum L.) : 270mg có chứa 19% saponosides tương đương 50 mg aescin.  
**Chỉ định, cách dùng và chống chỉ định:**  
Xem tờ hướng dẫn sử dụng.  
**Số lô SX, NSX, HD:** Xem "Batch No.", "Mfg. Date", "Exp. Date" trên bao bì.  
**Bảo quản:** Ở nhiệt độ không quá 30°C.  
**Đề thuốc tránh xa tầm tay trẻ em.**  
**Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi sử dụng.**  
**NSX:** Tilman S.A - Belgium  
**Nhập khẩu bởi:**  
**Số visa:**

**Veinofytol**  
harde capsules  
x 40

Paardekastanje droogextract

ACT Laboratoires  
11 rue d'Italie  
1204 GENEVA - SWITZERLAND CH  
Tel. + 41 (0)22 786 5710  
Fax + 41 (0)22 786 5711  
Email sales@actsuisse.com

*Jean Pierre Parmentier*

Jean Pierre Parmentier

40 gélules / harde capsules

**Tilman**

x 40

5 420024 600966 >

BE 27882

2283-075

5 420024 600966 >

ACT La  
11 rue  
1204 GENEVA -  
Tel. + 41  
Fax + 41  
Email sales



Handwritten mark resembling a stylized '2' or 'B'.

Aescul extractum siccum      Tilman

**Veinofytol**

Capsules  
Dry hydroalcoholic extract (50% V/V) from seeds of Aesculus hippocastanum L. - 270 mg (of dry extract) containing 19% of total saponosides expressed in 50 mg aescin.

**Tilman**

Exp date: ...

Batch No: ...

**Veinofytol**

Capsules  
Dry hydroalcoholic extract (50% V/V) from seeds of Aesculus hippocastanum L. - 270 mg (of dry extract) containing 19% of total saponosides expressed in 50 mg aescin.

**Tilman**  
Belgium

gélules / capsules, hard / Hartkapselen      10 x 5

laboratori  
d'Italie  
SWITZ  
(0)22 78  
(0)22 78  
: @actst

COULEURS UTILISÉES	CYAN	E171-0262/03	70 x 68 x 120 mm	DATE EXP. 24/04/2013	MOODT N° Veronique Marmer	RESPONSABLE MOODT Anne Croiset	SPONSOR RESPONS. MOODT	<b>Tilman</b>
	MAGENTA		REF. LOT DOBARTS/ONS A & H					
	JAUUNE							
	NOIR							

ISSÉ: 09  
57 11  
57 10  
RILAN  
TOS

*Handwritten signature*

**98 Harkapseln** **x 98**

**Veinofytol**  
gélules

**Extrait sec de marron d'Inde**

**gélules**

**Veinofytol**  
gélules  
x 98

**harde capsules**

**Veinofytol**  
gélules  
x 98

**gezwoilen benen • spataders**

**gezwoilen benen • spataders**

**Veinofytol**  
gélules  
x 98

**gezwoilen benen • spataders**

**Veinofytol**  
gélules  
x 98

**gezwoilen benen • spataders**

**Veinofytol**  
gélules  
x 98

**gezwoilen benen • spataders**

**Veinofytol**  
gélules  
x 98

**gezwoilen benen • spataders**

**98 gélules / harde capsules** **x 98**

**VEINOFYTOL**  
Viên nang cứng / Hộp 7 vỉ x 14 viên  
**Thành phần chính:** Cao khô chiết ethanol 50% từ hạt dẻ Ấn Độ (*Aesculus hippocastanum* L.) : 270mg có chứa 19% saponosides tương đương 50 mg aescin.  
**Chỉ định, cách dùng và chống chỉ định:** Xem tờ hướng dẫn sử dụng.  
**Số lô SX, NSX, HD:** Xem "Batch No.", "Mfg. Date", "Exp. Date" trên bao bì.  
**Bảo quản:** Ở nhiệt độ không quá 30°C.  
**Để thuốc tránh xa tầm tay trẻ em.**  
**Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi sử dụng.**  
**NSX:** Tilman S.A - Belgium  
**Nhập khẩu bởi:**  
**Số visa:**

**THEM HOÏS DE LA VIE ET DE LA PORTEE DES ENFANTS • BUITEN HET ZICHT EN BENEK VAN KINDEREN HOUDEN.**  
ARZNEITEL FÜR KINDER UNTERSÄNDLICH ALTFREIWAHREN.  
LINE LA NOTICE AVANT UTILISATION • VOOR GEBRUK DE BUISLUTTEN LEZEN • PACUNGSBEREIKAR BEACHTEN.

Chaque gélule contient 227 - 313 mg d'extrait sec de *Aesculus hippocastanum* L., seinen (marion d'Inde) correspondant à 50 mg de saponosides totaux exprimés en aescine anhydre. Soivent d'extraction: ethanol 50 % V/V.

Indere capsule bevat 227 - 313 mg droogextract van *Aesculus hippocastanum* L., seinen (paardekastanje) wat overeenkomt met een hoeveelheid van 50 mg totale saponosiden, uitgedrukt in anhydryde aescine. Oplosmiddel: ethanol 50 % V/V.

Jede kapsel enthält 227 - 313 mg Trocknextrakt aus *Aesculus hippocastanum* L., seinen (Pferdekastanienextrakt) entspricht einer Gesamtmenge an Saponosiden von 50 mg, ausgedrückt als wasserfreies Aescin. Lösungsmittel: Ethanol 50 % V/V.

A conservar dans l'emballage d'origine.  
Bewaren in de oorspronkelijke verpakking.  
In der Originalverpackung aufbewahren.

5 420024 601819 >  
2883-072

Batch No.:  
Mfg date:  
Exp date:

DE GERÄUCHSWAHRUNG  
Für Erwachsene und  
Kinder von mehr als  
12 Jahren: 2 mal  
1 Harkapsel  
pro Tag (nach Bedarf)  
der Mund.

**GESCHWOLLENE BEINEN**  
**KRAMPFADERN**

Roskastaniensamen  
Trockenextrakt  
Harkapseln



**Veinofytol**  
Capsules  
Dry hydroalcoholic extract (50% V/V) from seeds of *Aesculus hippocastanum* L. : 270 mg (of dry extract) containing 19% of total saponosides expressed in 50 mg aescin.

**Veinofytol**  
Capsules  
Dry hydroalcoholic extract (50% V/V) from seeds of *Aesculus hippocastanum* L. : 270 mg (of dry extract) containing 19% of total saponosides expressed in 50 mg aescin.

**Veinofytol**  
Capsules  
Dry hydroalcoholic extract (50% V/V) from seeds of *Aesculus hippocastanum* L. : 270 mg (of dry extract) containing 19% of total saponosides expressed in 50 mg aescin.

**Veinofytol**  
Capsules  
Dry hydroalcoholic extract (50% V/V) from seeds of *Aesculus hippocastanum* L. : 270 mg (of dry extract) containing 19% of total saponosides expressed in 50 mg aescin.

**Veinofytol**  
Capsules  
Dry hydroalcoholic extract (50% V/V) from seeds of *Aesculus hippocastanum* L. : 270 mg (of dry extract) containing 19% of total saponosides expressed in 50 mg aescin.

**Veinofytol**  
Capsules  
Dry hydroalcoholic extract (50% V/V) from seeds of *Aesculus hippocastanum* L. : 270 mg (of dry extract) containing 19% of total saponosides expressed in 50 mg aescin.

**Veinofytol**  
Capsules  
Dry hydroalcoholic extract (50% V/V) from seeds of *Aesculus hippocastanum* L. : 270 mg (of dry extract) containing 19% of total saponosides expressed in 50 mg aescin.

**Veinofytol**  
Capsules  
Dry hydroalcoholic extract (50% V/V) from seeds of *Aesculus hippocastanum* L. : 270 mg (of dry extract) containing 19% of total saponosides expressed in 50 mg aescin.

Exp date: ...  
Batch No: ...

Tilman  
Belgium

D CH

m

BSL

**VEINOFYTOL**  
(Viên nang cứng aescin 50 mg)

**1. THÀNH PHẦN**

Mỗi viên nang cứng có chứa:

**Hoạt chất:** Cao khô chiết ethanol 50% từ hạt dẻ Ấn Độ (*Aesculus hippocastanum* L.): 270 mg có chứa 19% saponosides tương đương 50 mg aescin.

**Tá dược:** Xenluloza vi tinh thể, Silica khan dạng keo, Tricalci phosphat, Magnesi Stearat, Bột talc

**2. DẠNG THUỐC:** viên nang cứng

**3. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI**

- Hộp 40 viên nang (4 vỉ x 10 viên)

**4. DƯỢC LỰC HỌC VÀ DƯỢC ĐỘNG HỌC**

➤ **Dược lực học**

- Cao khô của hạt dẻ Ấn Độ có hiệu quả trong điều trị suy tĩnh mạch mãn tính giúp giảm các triệu chứng như nặng chân, đau chân, chuột rút vào ban đêm, chân phù nề.

- Tác dụng chống viêm và chống phù nề (bằng cách tăng sức bền mao mạch) của Aescine có trong dịch chiết của hạt dẻ Ấn Độ đã được chứng minh trong nhiều nghiên cứu lâm sàng ở những bệnh nhân bị suy tĩnh mạch.

- Cao khô từ hạt dẻ Ấn Độ còn có tác dụng bình thường hóa tính thấm và tăng cường sức bền của mao mạch thông qua việc làm giảm sự hoạt động của 3 enzyme hydrolase ( $\beta$ -N-acetylglucosaminidase,  $\beta$ -glucuronidase và arylsulphatase), đây là những nhân tố phá hủy proteoglycan, một thành phần chính của thành tĩnh mạch. Qua đó giúp giảm các cơn đau trĩ.

➤ **Dược động học**

Tính sinh khả dụng tuyệt đối của aescin qua đường uống là 1,5%, Aescin được chuyển hóa một phần và bài tiết trong mật. Tính sinh khả dụng của aescin từ dịch chiết của hạt dẻ Ấn Độ so với dung dịch aescin là 100%. Điều này cho phép đạt được nồng độ tối đa sau khi uống từ 2 đến 3 giờ. Chu kỳ bán rã trong huyết tương là 10 giờ. Không tìm thấy trong nước tiểu quá 0,1% của liều hấp thụ. Tỷ lệ gắn thuốc với protein huyết tương là 84%.

**5. CHỈ ĐỊNH**

- Điều trị suy tĩnh mạch và bệnh trĩ ở người lớn và trẻ em trên 12 tuổi.

- Điều trị suy tĩnh mạch kinh niên ở người trưởng thành có các triệu chứng như chân phù nề, tĩnh mạch giãn, đau chân, mệt mỏi, ngứa ngáy, áp lực và chuột rút ở chân.

**6. CHỐNG CHỈ ĐỊNH**

Đôi với những người dị ứng với một trong những thành phần của thuốc, trẻ em dưới 12 tuổi, phụ nữ trong thời kỳ mang thai và cho con bú.

**7. THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC**

Dùng thuốc khi đói có thể gây buồn nôn.

**8. TƯƠNG TÁC VỚI CÁC THUỐC KHÁC, CÁC DẠNG TƯƠNG TÁC**

- Có sự tương tác với thuốc chống đông máu và thuốc kháng sinh.

- Vui lòng thông báo cho bác sĩ hay dược sĩ nếu bạn đang dùng các loại thuốc khác hay bạn đã dùng chúng thường xuyên trước đây, cho dù các loại thuốc này không được kê đơn.

ACT Laboratoires  
11 rue d'Italie  
1204 GENEVA - SWITZERLAND CH  
Tel. + 41 (0)22 786 57 10  
Fax + 41 (0)22 786 57 11  
Email sales@actsuisse.com

Jean Pierre Parmentier

ACT Laboratoire  
11 rue d'Italie  
1204 GENEVA - SWITZERLAND  
Tel. + 41 (0)22 786  
Fax + 41 (0)22 786  
Email sales@actsuisse.com



BSL

### 9. SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI; CHO CON BÚ

Hãy tham khảo ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ trước khi dùng. Về việc sử dụng thuốc VEINOFYTOL trong thời kỳ mang thai và đang cho con bú, chưa có thông tin đầy đủ nhằm loại bỏ các tác hại có thể xảy ra. Do đó, không khuyến dùng thuốc này cho phụ nữ mang thai và đang cho con bú.

### 10. TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN (ADR)

Veinofytol có thể gây ngứa, buồn nôn và rối loạn dạ dày.

### 11. KHẢ NĂNG VẬN HÀNH MÁY MÓC TÀU XE

Không có thông tin về ảnh hưởng của thuốc trên khả năng vận hành máy móc tàu xe.

### 12. LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

- Cho người lớn và trẻ em trên 12 tuổi
- Uống 1 viên/lần × 2 lần/ngày trong bữa ăn
- Sử dụng tối đa 3 viên trong 1 ngày.
- Để đạt được hiệu quả mong muốn, đợt điều trị cần kéo dài ít nhất là 4 tuần.
- Việc chữa trị bệnh suy tĩnh mạch đòi hỏi phải phối hợp với luyện tập thể dục thể thao và kiểm soát trọng lượng.

**ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.  
NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ. THÔNG BÁO CHO BÁC SĨ  
NHỮNG TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN GẶP PHẢI KHI SỬ DỤNG THUỐC.**

### 13. HẠN DÙNG, BẢO QUẢN, TIÊU CHUẨN

- Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Bảo quản: ở nhiệt độ dưới 30°C.
- Tiêu chuẩn: nhà sản xuất

### 14. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ CƠ SỞ SẢN XUẤT

**TILMAN S.A**

15 Zoning Industriel Sud, B5377 Baillonville - Belgium

3S

3LAND CH  
57 10  
57 11  
se.com



TUQ.CỤC TRƯỞNG  
P.TRƯỞNG PHÒNG

*Phạm Thị Văn Hạnh*